

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị C, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang;

- Bị đơn: Anh Nông Quốc C, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82; 83; 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Ma Thị C và anh Nông Quốc C.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị C và anh Nông Quốc C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Ma Thị C và anh Nông Quốc C thỏa thuận:

Giao cho anh Nông Quốc C là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Nông Tuyết T, sinh ngày 02/01/2017, chị Ma Thị C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 1/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nông Quốc C là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Ma Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Ma Thị C tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) chị Ma Thị C đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang, theo biên lai số 04492 ngày 27 tháng 11 năm 2020. Anh Nông Quốc C không phải chịu tiền án phí.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện;
- UBND xã M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**( Đã ký)**

**Hoàng Văn Thuận**